

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DS-ST
Ngày: 12-10-2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Thịnh
2. Bà Lê Thị Thu Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim N

Địa chỉ: Số 12/10 H, Tổ 6, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh H (tên gọi khác: Trần Thanh H)

Địa chỉ: Số 18/10 H, Tổ 6, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có mặt; bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-5-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03-6-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N trình bày:

Do chỗ hàng xóm láng giềng nên ngày 10-5-2011 bà có cho bà Trần Thị Thanh H (tên gọi khác: Trần Thanh H) vay 50.000.000đồng, bà H có viết cho bà giấy vay tiền đề ngày 10-5-2011. Khi vay tiền hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng thống nhất hàng tháng bà H sẽ trả cho bà vài trăm nghìn đồng. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay, bà H chưa trả cho bà được khoản tiền nào. Bà đã

nhiều lần yêu cầu bà H trả lại cho bà số tiền bà H đã vay của bà nhưng bà H không trả. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh H trả cho bà số tiền 50.000.000đồng mà bà H đã vay của bà. Bà không yêu cầu bà H trả lãi.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Thanh H nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim N. Buộc bà Trần Thị Thanh H (tên gọi khác: Trần Thanh H) phải trả cho bà N 50.000.000đồng. Đối với tiền lãi do bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Thanh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Khi vay tiền của bà Bùi Thị Kim N thì bà Trần Thị Thanh H (tên gọi khác: Trần Thanh H) đang cư trú tại Tổ 6, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đến khi bà N khởi kiện yêu cầu trả nợ thì bà H đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bà N biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị Thanh H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N và giấy vay tiền đề ngày 10-5-2011 do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Ngày 10-5-2011 bà Bùi Thị Kim N có cho bà Trần Thị Thanh H vay 50.000.000đồng.

[4] Trong giấy vay tiền ngày 10-5-2011 ghi lãi suất cho vay là 40%/tháng và không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Bùi Thị Kim N và bà Trần Thị Thanh H là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi nên theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên cho vay là bà N có

quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý.

[5] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Trần Thị Thanh H, nhưng bà H không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và cũng không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn bà Trần Thị Thanh H đã từ bỏ quyền tự chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N cho rằng: Từ khi vay tiền đến nay, bà H không trả tiền gốc và lãi cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ vay nhưng bà H vẫn không thực hiện, sau đó bà H thay đổi nơi cư trú nhưng cũng không thông báo cho bà biết. Việc bà H không trả nợ theo yêu cầu của bà N và thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bà N biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh H trả cho bà 50.000.000đồng mà bà H đã vay là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N không yêu cầu bà H trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 50.000.000đồng x 5% = 2.500.000đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Bùi Thị Kim N.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 40, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N.
2. Buộc bà Trần Thị Thanh H (tên gọi khác: Trần Thanh H) phải trả cho bà Bùi Thị Kim N 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).
3. Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2

Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí:

Bà Trần Thị Thanh H (tên gọi khác: Trần Thanh H) phải chịu 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Kim N 1.250.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003354 ngày 08-6-2018.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong